

Bản án số: 15/2021/KDTM-ST

Ngày: 30/9/2021

“*V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀN KIẾM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* **Bà Đỗ Thị Hồng Hạnh**

*Các Hội thẩm nhân dân:* **Bà Nguyễn Thị Diệp Anh**

**Bà Đào Tuyết Thanh**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Hồng Lê - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Huyền Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 54/2020/TLST- KDTM ngày 30 tháng 11 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2020/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 7 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 54/2021/QĐST-DS ngày 27/7/2021, Thông báo mở lại phiên tòa số: 08/2021/TB-MLPT ngày 09/9/2021 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP C.**

Trụ sở: Số 108, THĐ, quận HK, Thành phố HN.

Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Minh B., Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị NHCT Việt Nam.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thu T., Chức vụ: Phó giám đốc NHCT Việt Nam - Chi nhánh HM và bà Nguyễn Thị Minh H., chức vụ: Trưởng phòng KHDN (Văn bản ủy quyền số: 1139/UQ-HĐQT-NHCT18 ngày 21/9/2021 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị NHCT Việt Nam).

Địa chỉ liên hệ: số 25 TM, phường TM, quận HM, Thành phố HN.

(*Bà T., bà H. có mặt*)

**- Bị đơn:**

**Công ty cổ phần F. Việt Nam**

Trụ sở: Tầng 21 Capital Tower, số 109 THĐ, quận HK, Thành phố HN.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Trọng H., Chức vụ: Chủ tịch HĐQT.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Nguyễn Trọng H., sinh năm: 1978
  2. Bà Đặng Thị T., sinh năm: 1978
- Cùng HKTT tại: W1705, Tòa tháp tây Indochina Plaza, phường DVH, quận CG, Thành phố HN.
3. Ông Leung Ka Ching K., sinh năm: 1961, Quốc tịch: Vương Quốc Anh.  
Tạm trú tại: W1705, Tòa tháp tây Indochina Plaza, phường DVH, quận CG, Thành phố HN.
  4. Anh Nguyễn Trọng H., sinh năm: 2002
  5. Cháu Nguyễn Gia L., sinh năm: 2010 do ông Nguyễn Trọng H., bà Đặng Thị T. (bố mẹ cháu L.) là đại diện.
  6. Công ty cổ phần chứng khoán Ngân hàng C.  
Địa chỉ: 306, phố BT, phường LĐH, quận HBT, HN  
Đại diện theo pháp luật: bà Hồ Thị Thu H. – Chủ tịch HĐQT  
Đại diện theo ủy quyền: ông Trần Phúc V. – Q. Tổng Giám đốc. Văn bản ủy quyền số: 12/2020/UQ-CKCT ngày 03/8/2020.  
*(Toàn bộ bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt).*

## NỘI DUNG VỤ ÁN

### Tại Đơn khởi kiện ngày 09/9/2020 và quá trình giải quyết vụ án - đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng TMCP C. – Chi nhánh HM (gọi tắt là Ngân hàng) đã ký Hợp đồng tín dụng với Công ty cổ phần F. Việt Nam (sau đây gọi tắt là công ty F.) cụ thể: Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2019-HĐCVHM/NHCT136-FIVE9 ngày 26/06/2019 giữa Công ty F. và Ngân hàng TMCP C. - Chi nhánh HM theo đó hạn mức cho vay là 100 (một trăm) tỷ đồng chẵn bằng tiền Việt Nam đồng (VND) hoặc đô la Mỹ (USD). Ngân hàng đã thực hiện việc giải ngân cho Công ty F. theo 19 giấy nhận nợ (từ 01-19), khi ký giấy nhận nợ ngân hàng sẽ giải ngân vào tài khoản vay của công ty F. tại ngân hàng và chuyển tiền từ tài khoản vay của công ty đến tài khoản của các nhà cung cấp theo hồ sơ giải ngân. Tổng số tiền Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty F. là: **6,079,000 USD và 28,450,780,625VND**. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty F. đã trả được số tiền của hợp đồng trên là **4,069,250.92 USD và 543,936,818 VND**. Trong đó:

TT	Đồng tiền	Gốc đã trả	Lãi đã trả	Tổng
1	USD	4,032,536.95	36,613.97	4,069,250.92
2	VND	321,000,000	222,936,818	543,936,818

Sau đó đến thời hạn trả nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký giữa Ngân hàng C. Việt Nam – Chi nhánh Hoàng Mai và Công ty F., nhưng Công ty F. không thực hiện

nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Vì vậy, toàn bộ các khoản vay của Công ty F. bị chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 20/03/2020. Đến ngày 09/09/2020, toàn bộ dư nợ của Công ty F. tại NHCT Việt Nam – Chi nhánh Hoàng Mai đã chuyển nợ xấu. Mặc dù ngân hàng đã có nhiều thông báo nhắc nợ (đã nộp cho Tòa án) nhưng Công ty F. không thanh toán nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Công ty F. phải trả cho Ngân hàng toàn bộ tiền gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết trên tính đến ngày 05/7/2021 quy đổi ra Việt Nam đồng là **84,555,836,586 VND** cụ thể như sau:

STT	Loại tiền	Dư nợ gốc	Lãi đến hạn	Lãi quá hạn	Ghi chú
1	USD	2,046,436.05	128,496.91	57,586.50	Tỷ giá 23120 VND/USD ngày 05/07/2021
	<i>Quy đổi VND</i>	<i>47,314,225,716</i>	<i>2,970,848,559</i>	<i>1,331,399,880</i>	
2	VND	28,129,780,625	3,375,800,795	1,433,781,011	
3	<b>Tổng dư nợ quy đổi theo VND</b>	<b>75,444,006,341</b>	<b>6,346,649,354</b>	<b>2,765,180,891</b>	

NH C. Việt Nam – Chi nhánh HM đề nghị Tòa án tuyên buộc Công ty F. phải tiếp tục trả lãi phát sinh trên nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng hạn mức số: 01/2019-HĐCVHM/NHCT136-FIVE9 ngày 26/06/2019 đã ký giữa các bên cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Trường hợp Công ty F. không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì NH C. Việt Nam – Chi nhánh HM có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm là:

1. Toàn bộ quyền sở hữu, sử dụng căn hộ chung cư số W1705 tại tòa tháp Tây – Indochina Plaza Hà Nội có địa chỉ tại số 241 XT, phường DVH, quận CG, thành phố HN, diện tích sàn 110,1m<sup>2</sup> đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA689087, số vào sổ cấp GCN: CS 18307 do Sở tài nguyên và môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 22/07/2015 mang tên ông Nguyễn Trọng H. và bà Đặng Thị T. theo hợp đồng thế chấp tài sản do Văn phòng công chứng Hai Bà Trưng chứng nhận số công chứng 4972A.2019, quyền số 09TP/CC-SCC/HĐGD ngày 14/09/2020 đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 03/10/2019 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

2. Toàn bộ quyền sở hữu 300 trái phiếu đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu trái phiếu do Ngân hàng TMCP C. phát hành ra công chúng năm 2019 (Mã số trái phiếu: CTG1929T2/01) đứng tên chủ sở hữu hợp pháp là Công ty CP F. Việt Nam theo Hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 0310/2019/HĐBĐ/NHCT136-FIVE9 ngày 03/10/2019 giữa Công ty CP F. Việt Nam và Ngân hàng TMCP C. - Chi nhánh

HM lưu ký tại Công ty cổ phần chứng khoán C. Việt Nam để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

3. Toàn bộ quyền sở hữu 100 trái phiếu đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu trái phiếu do Ngân hàng TMCP C. phát hành ra công chúng năm 2019 (Mã số trái phiếu: CTG1926T2/02) đứng tên chủ sở hữu hợp pháp là Công ty CP F. Việt Nam theo Hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 1211/2019/HĐBĐ/NHCT136-FIVE9 ngày 12/11/2019 giữa Công ty CP F. Việt Nam và Ngân hàng TMCP C. - Chi nhánh HM lưu ký tại Công ty cổ phần chứng khoán C. Việt Nam để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần báo đại diện theo pháp luật của bị đơn - Công ty cổ phần F. Việt Nam và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông H., bà T., anh H., cháu L. đến Tòa án để lấy lời khai, giao nộp chứng cứ, đối chất, thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp, tham gia phiên họp về việc tiếp cận, giao nộp, công khai chứng cứ, hòa giải, xét xử nhưng những người trên đều không đến Tòa án cũng như không trình bày ý kiến của mình trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

\* Tại văn bản ngày 18/3/2021, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Leung Ka Ching K. trình bày:

Hiện tại ông đang thuê nhà của ông Nguyễn Trọng H. ở tại W1705, Tòa tháp tây Indochina Plaza, số 241 đường XT, phường DVH, quận CG, Thành phố HN. Thời gian hợp đồng thuê từ 01/7/2020 đến 30/6/2025. Mỗi năm trả tiền 01 lần. Theo Điều 4 của Hợp đồng thuê, ông H. yêu cầu trả tiền thuê cho bà Đặng Thị Hương T., số chứng minh nhân dân: 040180000045. Vào ngày 30/6/2020, ông đã trả tiền thuê toàn bộ 01 năm là 18.000 USD (thời gian từ 01/7/2020 đến 30/6/2021) cho bà T. (có phiếu thu gửi kèm).

Đối với vụ kiện giữa Công ty của ông H. và ngân hàng, ông không có bất cứ quan hệ gì. Ông đề nghị được vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc và tại các phiên tòa. Ông đảm bảo sẽ thực hiện toàn bộ phán quyết của Tòa án.

\* Tại văn bản số 62/2021/CV-CKCT06 ngày 03/6/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Công ty cổ phần chứng khoán Ngân hàng C. Việt Nam do ông Trần Phúc V. – đại diện theo ủy quyền của trình bày:

Công ty Chứng khoán C. là đại lý đăng ký lưu ký, thực hiện công việc quản lý việc lưu ký, chuyển nhượng, phong tỏa... và một số công việc khác đối với 2 mã trái phiếu CTG1929T2/01 và CTG1926T2/02 theo yêu cầu của Tổ chức phát hành trái phiếu là Ngân hàng TMCP C.. Theo danh sách người sở hữu trái phiếu mà Công ty đang quản lý, Công ty chứng khoán C. xác nhận Công ty cổ phần F. Việt Nam là chủ sở hữu các trái phiếu CTG1929T2/01 với số lượng là 300 trái phiếu và CTG1929T2/02 với số lượng là 100 trái phiếu do Ngân hàng TMCP C. phát hành.

Theo đề nghị của Công ty cổ phần F. Việt Nam và Ngân hàng, Công ty đã tiến hành phong tỏa 2 mã trái phiếu trên. Tổng trị giá trái phiếu CTG1929T2/01 và CTG1926T2/02 tính cả lãi đến ngày 02/6/2021 là: 4,187,780,822 VND. Ông đề nghị Công ty được vắng mặt trong các buổi làm việc cũng như phiên tòa xét xử vụ án.

**Tại phiên tòa:**

*Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:* Nguyên đơn đề nghị Tòa án buộc bị đơn phải trả số tiền gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng, hợp đồng vay vốn đã ký, giấy nhận nợ kèm theo, số tiền tính đến ngày 30/9/2021 (ngày xét xử sơ thẩm) là:

*Các khoản nợ gốc lãi bằng USD (đô la Mỹ) :*

Nợ gốc: **2,046,436.05** USD

Lãi trong hạn: **151,445.91** USD

Lãi quá hạn: **68,552.66** USD

Tổng: 2,266,434.62 USD.

Quy đổi theo tỷ giá đồng USD/VND ngày 29/9/2021 của Ngân hàng TMCP C. là 22.855đ/USD thành tiền Việt Nam là: 51.799.363.012 đồng.

*Các khoản nợ gốc lãi bằng Việt Nam đồng :*

Nợ gốc: 28.129.780.625đ

Lãi trong hạn: 3.979.242.361đ

Lãi quá hạn: 1.520.495.846đ

Tổng: 33.629.518.832 đồng.

Tổng cộng cả 02 khoản nợ gốc lãi bằng USD và VND là:

**85.428.881.844 đồng.**

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu công ty F. tiếp tục phải thanh toán khoản lãi phát sinh của số tiền nợ gốc trên theo lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, hợp đồng vay vốn đã ký giữa hai bên kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ và giữ nguyên ý kiến về việc yêu cầu Tòa án tuyên cho ngân hàng được quyền kê biên phát mại tài sản đảm bảo theo hợp đồng thế chấp, hợp đồng cầm cố đã ký giữa các bên để thu hồi toàn bộ khoản nợ gốc và lãi nêu trên. Ngoài ra nguyên đơn không có ý kiến gì khác.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, đảm bảo đúng các thủ tục tố tụng khác, việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đầy đủ, đúng quy định, đảm bảo đúng thời hạn xét xử. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực

hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản, thông báo, quyết định hợp lệ. Tòa án đã hoãn phiên tòa lần 1, tại phiên tòa lần 2, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vì vắng mặt không có lý do là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 228, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Xét Hợp đồng tín cho vay hạn mức số 01/2019-HĐCVHM/NHCT136-F. ngày 26/6/2019 giữa Ngân hàng TMCP C. và Công ty F. đều được ký kết bởi người có thẩm quyền. Các bên đương sự hoàn toàn tự nguyện, tuân thủ về hình thức và nội dung, phù hợp các quy định của pháp luật về điều kiện cấp hạn mức tín dụng, lãi suất... quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017 và hướng dẫn tại Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng với khách hàng. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho thấy giữa hai bên có ký kết hợp đồng tín dụng trên, Ngân hàng TMCP C. đã giải ngân và Công ty F. đã nhận nợ toàn bộ số tiền vay. Từ đó khẳng định Hợp đồng tín dụng trên là có thật và hợp pháp. Do Công ty F. đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng TMCP C. khởi kiện buộc bị đơn Công ty F. phải trả toàn bộ số nợ gốc, lãi trong hạn, quá hạn và tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP C. là có căn cứ.

Xét các giao dịch đảm bảo bao gồm: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở số công chứng 4972A.2019, quyền số 09 TP/CC- SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng Hai Bà Trưng ký kết giữa Ngân hàng TMCP C. và ông Nguyễn Trọng H., bà Đặng Thị T. ngày 14/9/2019. Hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 0310/2019/HĐBĐ/NHCT136-FIVE9 ngày 03/10/2019 và Hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 1211/2019/HĐBĐ/NHCT136-FIVE9 ngày 12/11/2019 giữa Ngân hàng C. và Công ty F. đã đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai. Hợp đồng cầm cố được ký kết tự nguyện, có xác nhận của đại lý đăng ký lưu ký về việc phong tỏa, tạm dừng giao dịch. Do đó, xác định các Hợp đồng thế chấp tài sản, cầm cố tài sản trên trên là hợp pháp. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP C. đối với Công ty Cổ phần F. Việt Nam về các khoản nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2019-HĐCVHM/NHCT136-FIVE9. Trong trường hợp Công ty F. không trả hoặc trả không đầy đủ số nợ, Ngân hàng TMCP C. có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mại tài sản bảo đảm là toàn bộ quyền sở hữu căn hộ chung cư W1705, Tòa tháp tây Indochina Plaza, phường DVH, quận CG, Thành phố HN; 300 trái phiếu mã số CTG1929T2/01 và 100 trái phiếu mã số CTG1926T2/02 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu trái phiếu do Ngân hàng TMCP C. phát hành ra công chứng năm 2019 đứng tên chủ sở hữu là công ty F..

- Công ty F. phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

### [I]. Về tố tụng:

#### 1. Về quan hệ pháp luật:

Ngân hàng TMCP C. khởi kiện Công ty F. yêu cầu Tòa án tuyên Công ty phải trả số tiền nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký giữa Ngân hàng với Công ty. Số tiền tranh chấp phát sinh từ hợp đồng tín dụng đã ký giữa các bên do đó quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (gọi tắt là BLTTDS năm 2015).

2. Về thẩm quyền: Tại thời điểm nộp đơn khởi kiện, nguyên đơn xuất trình tài liệu chứng minh bị đơn có địa chỉ trụ sở tại quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015.

Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Trọng H., bà Đặng Thị T., anh Nguyễn Trọng H., cháu Nguyễn Gia L., do ông Nguyễn Trọng H., bà Đặng Thị T. (bố mẹ cháu L.) là đại diện có hộ khẩu thường trú tại W1705, Tòa tháp tây Indochina Plaza, số 241 đường XT, phường DVH, quận CG, Thành phố HN. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trên đã xuất cảnh tuy nhiên không có địa chỉ nơi nhập cảnh và chưa có thông tin nhập cảnh. Tòa án đã tiến hành ủy thác thu thập chứng cứ cho Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức để lấy lời khai của bà Phạm Thị H. (mẹ đẻ bà T.) và chị Đặng Thị Hương T. (em gái bà T.) về địa chỉ của những người trên nhưng gia đình chỉ cung cấp được hiện tại gia đình ông H., bà T. đang sinh sống ở Mỹ, không biết rõ địa chỉ cụ thể. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015; Điều 5, Điều 6 Nghị Quyết 04/2017 ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và hướng dẫn tại Công văn số: 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao về việc bị đơn cố tình giấu địa chỉ, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm.

#### 3. Về thời hiện khởi kiện:

Ngày 09/09/2020, toàn bộ dư nợ của Công ty F. tại Ngân hàng C. – Chi nhánh HM đã chuyển nợ quá hạn. Ngày 25/3/2020 là ngày công ty F. trả nợ cuối cùng. Ngày 03/12/2020, Tòa án thụ lý vụ án. Theo quy định tại điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015, vụ án còn thời hiệu khởi kiện.

#### 4. Về việc xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Toàn bộ bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chỉ có ông Leung Ka Ching K. và công ty cổ phần chứng khoán có văn bản trình bày và đề nghị xét xử vắng mặt. Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các Thông báo, quyết định của Tòa án theo quy

định của Bộ luật tố tụng dân sự để triệu tập các đương sự đến Tòa làm việc nhưng toàn bộ bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do. Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm đã tiến hành xác minh về nơi ở của ông Nguyễn Trọng H., bà Đặng Thị T. cùng hai con. Theo đó, xác định gia đình ông H. đã xuất cảnh từ tháng 4/2020. Xác minh người thân và người thuê nhà của ông H. tại căn hộ số W1705, Tòa tháp tây Indochina Plaza, phường Dịch Vọng Hậu quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội cho thấy: Ông H. và vợ đã biết việc Tòa án quận Hoàn Kiếm đang thụ lý giải quyết vụ án (thông qua các mail trao đổi giữa ông K. và ông H.) nhưng ông H. là đại diện theo pháp luật của Công ty F. Việt Nam không có ý kiến gì. Ông H., bà T. cũng không có ý kiến nộp cho Tòa án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, mặc dù vẫn có trao đổi với bên thuê nhà và vẫn tiếp tục cho thuê theo như Hợp đồng đã ký giữa các bên.

Tòa án đã có Quyết định đưa vụ án ra xét xử vào hồi 09h00 ngày 22/7/2021 nhưng toàn bộ bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do (trừ ông Leung Ka Ching K. và công ty cổ phần chứng khoán), mặt khác thời gian này Thành phố Hà Nội đang thực hiện giãn cách xã hội nên Tòa án đã quyết định hoãn phiên tòa. Ngày 09/9/2021, Tòa án ban hành Thông báo mở lại phiên tòa vào hồi 09h00 ngày 30/9/2021. Tại phiên tòa hôm nay, toàn bộ bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn vắng mặt không có lý do (trừ ông Leung Ka Ching K. và công ty cổ phần chứng khoán), Hội đồng xét xử căn cứ điểm b, khoản 2 điều 227, khoản 3 Điều 228 - Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

## [II]. Về nội dung vụ án:

### 1. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

**1.1.** Ngân hàng TMCP C. - Chi nhánh HM đã ký Hợp đồng tín dụng với Công ty cổ phần F. Việt Nam (Công ty F.) cụ thể: Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2019-HĐCVHM/NHCT136-FIVE9 ngày 26/06/2019 giữa Công ty F. và Ngân hàng TMCP C. - Chi nhánh HM theo đó hạn mức cho vay là 100 (một trăm) tỷ đồng chẵn bằng tiền Việt Nam đồng (VND) hoặc đô la Mỹ (USD).

*Xét thấy:* Hợp đồng cho vay hạn mức nêu trên giữa Ngân hàng C. và Công ty F. đều được ký kết bởi người có thẩm quyền. Các bên đương sự hoàn toàn tự nguyện, tuân thủ về hình thức và nội dung, phù hợp các quy định của pháp luật về điều kiện cấp hạn mức tín dụng, lãi suất... quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017 và hướng dẫn tại Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng với khách hàng. Công ty F. không tham gia các buổi làm việc của Tòa án, không có ý kiến liên quan đến các nội dung khởi kiện, tuy nhiên, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho thấy giữa hai bên có ký kết hợp đồng tín dụng nêu trên, Ngân hàng C. đã giải ngân và Công ty F. đã nhận nợ toàn bộ

số tiền vay. Từ đó khẳng định hợp đồng tín dụng trên là có thật và hợp pháp, có giá trị pháp lý và có hiệu lực thi hành đối với các bên.

**1.2.** Sau khi ký kết Hợp đồng tín dụng trên, Ngân hàng C. đã thực hiện việc giải ngân cho Công ty F. theo 19 giấy nhận nợ (từ 01-19). Khi ký giấy nhận nợ ngân hàng giải ngân vào tài khoản vay của công ty F. tại ngân hàng và chuyển tiền từ tài khoản vay của công ty đến tài khoản của các nhà cung cấp theo hồ sơ giải ngân. Tổng số tiền Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty F. là: 6,079,000 USD và 28,450,780,625 VND. Quá trình thực hiện hợp đồng, tính đến ngày 09/10/2020 Công ty F. đã trả được số tiền gốc lãi của hợp đồng trên là 4,097,031.34USD và 632.276.986 đồng, tất toán giấy nhận nợ từ 01 – 07. Sau đó Công ty F. vi phạm, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Ngân hàng C. đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty F. phải trả số nợ gốc là: **74.901.076.548** đồng (tổng của cả 02 khoản nợ bằng VND và USD quy đổi ra tiền Việt Nam).

Ngân hàng xuất trình cho Tòa án rất nhiều Thông báo nhắc nợ yêu cầu Công ty F. phải thanh toán các khoản nợ đến hạn có ký nhận của cán bộ công ty nhưng công ty không thanh toán. Căn cứ giấy nhận nợ do Công ty F. ký nhận, đối chiếu với khoản nợ gốc đã giải ngân và số tiền nợ gốc Công ty chưa trả, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (30/9/2021), buộc Công ty F. phải trả cho Ngân hàng TMCP C. số tiền nợ gốc của hợp đồng hạn mức trên là: **74. 901.076.548** đồng.

**1.3.** Ngân hàng TMCP C. yêu cầu Công ty F. trả số tiền nợ lãi tính đến ngày 30/9/2021 của hợp đồng tín dụng nêu trên (của cả 02 tài khoản bằng VND và USD quy đổi ra tiền Việt Nam), cụ thể:

Lãi trong hạn: 7.440.538.406 đồng

Lãi quá hạn: 3.087.266.890 đồng

Xét tại Điều 2.01 Hợp đồng cho vay hạn mức, các bên thỏa thuận lãi suất như sau: *Lãi suất cho vay trong hạn là lãi suất ghi trên từng giấy nhận nợ, được điều chỉnh 01 tháng 01 lần, xác định vào ngày 25 của tháng cuối cùng của thời hạn điều chỉnh lãi suất hoặc ngày liền kề trước đó, biên độ 3,5%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.* Tại các giấy nhận nợ từ 08 – 14, các bên thỏa thuận lãi suất là 3,8%/năm. Tại các giấy nhận nợ từ 15 - 19, các bên thỏa thuận lãi suất là 7,2%/năm. Quá trình thực hiện hợp đồng, Ngân hàng xác nhận số nợ lãi đã tính theo đúng thỏa thuận trên. Hội đồng xét xử xét thấy việc thỏa thuận lãi suất là sự tự nguyện của các bên, số tiền lãi trong hạn và quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc, thời gian quá hạn nhân với lãi suất vay theo đúng quy định của pháp luật. Thỏa thuận lãi suất của các bên tại hợp đồng và các quyết định về mức lãi suất từng thời điểm của ngân hàng phù hợp với số liệu thể hiện tại bảng tính tổng hợp gốc lãi Ngân hàng xuất trình cho Tòa án. Vì vậy, Ngân hàng C. yêu cầu Công ty F. thanh toán số tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn của số tiền nợ gốc trên là phù hợp

với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Công ty F. phải trả cho ngân hàng C. số tiền lãi trong hạn là: **7.440.538.406** đồng, lãi quá hạn: **3.087.266.890** đồng.

Nguyên đơn yêu cầu Công ty F. tiếp tục phải thanh toán khoản lãi phát sinh của số tiền nợ gốc trên theo lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký giữa hai bên kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

## 2. Xét yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng C. đề nghị: Trường hợp Công ty F. không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng đề nghị Tòa án tuyên cho Ngân hàng được quyền đề nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phát mại tài sản đảm bảo để thu hồi nợ, cụ thể:

- Toàn bộ quyền sở hữu căn hộ chung cư W1705, Tòa tháp tây Indochina Plaza, phường DVH quận CG, Thành phố HN. Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số CA 689087 do UBND thành phố Hà Nội cấp ngày 22/07/2015; đứng tên ông Nguyễn Trọng H. và bà Đặng Thị T. theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 4972A.2019, quyển số 09 TP/CC- SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng Hai Bà Trưng, đăng ký giao dịch tài sản đảm bảo tại văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội ngày 30/9/2019.

- Toàn bộ quyền sở hữu 300 trái phiếu đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu trái phiếu do Ngân hàng TMCP C. phát hành ra công chứng năm 2019. Mã số trái phiếu CTG1929T2/01 đứng tên chủ sở hữu là công ty F. theo Hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 0310/2019/HĐBĐ/NHCT136-FIVE9 ngày 03/10/2019 giữa Ngân hàng C. và Công ty F..

- Toàn bộ quyền sở hữu 100 trái phiếu đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu trái phiếu do Ngân hàng TMCP C. phát hành ra công chứng năm 2019. Mã số trái phiếu CTG1926T2/02 đứng tên chủ sở hữu là công ty F. theo Hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 1211/2019/HĐBĐ/NHCT136-FIVE9 ngày 12/11/2019 giữa Ngân hàng C. và Công ty F..

### Xét thấy:

+) Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở số công chứng 4972A.2019, quyển số 09 TP/CC- SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng Hai Bà Trưng ký kết giữa NH C. và ông Nguyễn Trọng H., bà Đặng Thị T. ngày 14/9/2019 là sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bên về việc xác lập, thay đổi, chấm dứt quyền và nghĩa vụ của các chủ thể đã tự nguyện tham gia ký kết, được lập thành văn bản, có đầy đủ chữ ký của các bên gồm bên thế chấp (ông H., bà T.) và bên nhận thế chấp (đại diện Ngân hàng). Tài sản thế chấp là căn hộ chung cư số W1705, Tòa tháp tây Indochina Plaza Hà Nội có diện tích sàn 110m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số B1, địa chỉ tại số 241 XT, phường

DVH, quận CG, Thành phố HN có diện tích đất 1044,0m<sup>2</sup> sử dụng chung đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA 689087 do UBND thành phố Hà Nội cấp ngày 22/07/2015 đứng tên ông Nguyễn Trọng H. và bà Đặng Thị T.. Như vậy Hợp đồng thế chấp được các bên tự nguyện ký kết, hình thức và nội dung thế chấp được thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Hợp đồng thế chấp được đăng ký giao dịch đảm bảo tại cơ quan có thẩm quyền, do đó hợp đồng thế chấp có giá trị pháp lý và hiệu lực thi hành đối với các bên. Tài sản thế chấp không có thay đổi gì kể từ khi thế chấp cho đến nay, hiện cho ông Leung Ka Ching K. thuê. Thời gian hợp đồng thuê từ 01/7/2020 đến 30/6/2025. Trong trường hợp Công ty F. không trả hoặc trả không đầy đủ số nợ cho ngân hàng, Ngân hàng C. có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mại tài sản thế chấp để thu hồi khoản nợ. Những tổ chức, cá nhân cư trú tại tài sản thế chấp (theo các hình thức thuê, cho mượn, cho ở nhờ....) phải chấp hành quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền khi kê biên phát mại tài sản đảm bảo.

+) Hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 0310/2019/HĐBĐ/NHCT136-FIVE9 ngày 03/10/2019 và Hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 1211/2019/HĐBĐ/NHCT136-FIVE9 ngày 12/11/2019 giữa Ngân hàng C. và Công ty F. được ký kết tự nguyện, có xác nhận của đại lý đăng ký lưu ký về việc phong tỏa, tạm dừng giao dịch. Tài sản cầm cố thuộc sở hữu của bên cầm cố đã được cấp Giấy xác nhận sở hữu. Do đó, Hợp đồng cầm cố tài sản nêu trên là hợp pháp. Trong trường hợp Công ty F. không trả hoặc trả không đầy đủ số nợ cho Ngân hàng C., Ngân hàng C. có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mại tài sản theo đúng Hợp đồng thế chấp, Hợp đồng cầm cố đã ký để thu nợ toàn bộ khoản nợ. Tính đến ngày 30/9/2021, mã trái phiếu CTG1929T2/01, có giá trị 03 tỷ đồng, lãi suất 6,725%/năm, tiền lãi là 1.658.219 đồng có tổng giá trị là 3.001.658.219 đồng. Mã trái phiếu CTG1926T2/02, có giá trị 01 tỷ đồng, lãi suất 6,8%/năm, tiền lãi là 62.597.260 đồng. Có tổng giá trị là 1.062.597.260 đồng.

### **[3]. Về án phí và quyền kháng cáo:**

Công ty F. phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được Tòa án chấp nhận.

Ngân hàng được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 180; khoản 1 Điều 228; Điều 244; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280 - Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 5, Điều 6 Nghị Quyết 04/2017 ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.  
- Căn cứ khoản 4 Điều 323 - Bộ luật Dân sự năm 2005.  
- Căn cứ Điều 427, điểm d, khoản 1 Điều 688 - Bộ luật Dân sự năm 2015.  
- Căn cứ Điều 27, Điều 37, Điều 60 – Luật hôn nhân và gia đình  
- Điều 95 - Luật các tổ chức tín dụng.  
- Căn cứ khoản 2 Điều 17 - Luật phí và lệ phí 2015.  
- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án điểm d khoản 1.4 Điều 1 Mục II - Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo;

**Xử:**

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP C. đối với Công ty cổ phần F. Việt Nam.

2. Buộc Công ty cổ phần F. Việt Nam phải trả cho Ngân hàng TMCP C. số tiền nợ gốc của hợp đồng hạn mức số: 01/2019-HĐCVHM/NHCT136-FIVE9 ngày 26/06/2019 và các giấy nhận nợ kèm theo tính đến ngày 30/9/2021 (ngày xét xử sơ thẩm) là:

*Các khoản nợ gốc lãi bằng USD (đô la Mỹ) :*

Nợ gốc: **2,046,436.05** USD

Lãi trong hạn: **151,445.91** USD

Lãi quá hạn: **68,552.66** USD

Tổng: 2,266,434.62 USD.

Quy đổi theo tỷ giá đồng USD/VND ngày 29/9/2021 của Ngân hàng TMCP C. là 22.855đ/USD thành tiền Việt Nam là: 51.799.363.012 đồng.

*Các khoản nợ gốc lãi bằng Việt Nam đồng :*

Nợ gốc: 28.129.780.625đ

Lãi trong hạn: 3.979.242.361đ

Lãi quá hạn: 1.520.495.846đ

Tổng: 33.629.518.832 đồng.

Tổng cộng cả 02 khoản nợ gốc lãi bằng USD và VND là:

**85.428.881.844đ (Tám lăm tỷ, bốn trăm hai tám triệu tám trăm tám một nghìn tám trăm bốn bốn đồng).**

Công ty CP F. Việt Nam phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP C. khoản tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc trên theo lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng hạn mức, tại các giấy nhận nợ đã ký giữa hai bên kể từ ngày xét xử sơ thẩm (ngày 30/9/2021) cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

3. Trường hợp Công ty CP F. Việt Nam không trả được khoản nợ gốc lãi nêu trên, Ngân hàng TMCP C. có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên phát mại các tài sản bảo đảm sau đây để thu hồi nợ:

3.1 Toàn bộ quyền sở hữu căn hộ chung cư số W1705, Tòa tháp tây Indochina Plaza Hà Nội có diện tích sàn 110m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số B1, địa chỉ tại số 241 XT, phường DVH, quận CG, Thành phố HN có diện tích đất 1044,0m<sup>2</sup> sử dụng chung đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA 689087 do UBND thành phố Hà Nội cấp ngày 22/07/2015 đứng tên ông Nguyễn Trọng H. và bà Đặng Thị T. theo Hợp đồng thế chấp số công chứng: 4972A.2019, quyển số 09 TP/CC- SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng Hai Bà Trưng, đăng ký giao dịch tài sản đảm bảo tại Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội ngày 30/9/2019. Khi kê biên phát mại, xử lý tài sản đảm bảo, các tổ chức cá nhân hiện có hộ khẩu thường trú, tạm trú, sinh sống thực tế tại tài sản thế chấp (theo các hình thức thuê, cho mượn, cho ở nhờ....) phải chấp hành quyết định kê biên.

3.2. Toàn bộ quyền sở hữu 300 trái phiếu đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu trái phiếu do Ngân hàng TMCP C. phát hành ra công chúng năm 2019. Mã số trái phiếu CTG1929T2/01 đứng tên chủ sở hữu là Công ty F. Việt Nam theo Hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 0310/2019/HĐBĐ/NHCT136-FIVE9 ngày 03/10/2019 giữa Ngân hàng C. và Công ty F. Việt Nam có giá trị tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm (ngày 30/9/2021) là: 03 tỷ đồng, lãi suất 6,725%/năm, tiền lãi là 1.658.219 đồng. Tổng giá trị là **3.001.658.219đ (ba tỷ không trăm linh một triệu sáu trăm năm tám nghìn hai trăm mười chín đồng).**

3.3. Toàn bộ quyền sở hữu 100 trái phiếu đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu trái phiếu do Ngân hàng TMCP C. phát hành ra công chúng năm 2019. Mã số trái phiếu CTG1926T2/02 đứng tên chủ sở hữu là công ty F. Việt Nam theo Hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số: 1211/2019/HĐBĐ/NHCT136-FIVE9 ngày 12/11/2019 giữa Ngân hàng C. và Công ty F. Việt Nam có giá trị tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm (ngày 30/9/2021) là: 01 tỷ đồng, lãi suất 6,8%/năm, tiền lãi là 62.597.260 đồng. Tổng giá trị là **1.062.597.260đ (một tỷ không trăm sáu hai triệu năm trăm chín bảy nghìn hai trăm sáu mươi đồng).**

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận về việc thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

#### 4. Về án phí và quyền kháng cáo:

Công ty F. Việt Nam phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 193.428.881đ (một trăm chín ba triệu bốn trăm hai tám nghìn tám trăm tám một đồng). Ngân hàng TMCP C. được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 94.201.766đ (chín mươi tư

triệu hai trăm linh một nghìn bảy trăm sáu sáu đồng) theo Biên lai thu tiền số: AA/2016/0018099 ngày 03/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP C.. Vắng mặt toàn bộ bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chỉ có quyền kháng cáo đối với phần quyết định của bản án có liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND Q. Hoàn Kiếm;
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND TP Hà Nội
- Chi cục Thi hành án dân sự  
Q. Hoàn Kiếm;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Thị Hồng Hạnh**